TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-05-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Bà Lê Hồng Thắm

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 04 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Trường G, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Ngọc Y, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Y, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Anh G có đơn xin vắng mặt, chị Y vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trương Trường G trình bày: Anh và chị Dương Thị Ngọc Y xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình chung sống, Anh G và chị Y có 01 (một) con chung tên: Trương Gia H, sinh ngày 26/6/2016. Hiện cháu H đang sống cùng với anh G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh G và chị Y là do chị Y không lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, anh G và chị Y đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, anh G không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị Y.

Nay, anh Trương Trường G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh G được ly hôn với chị Dương Thị Ngọc Y; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Trương Gia H, sinh ngày 26/6/2016, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh G không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với chị Dương Thị Ngọc Y không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, chị Y cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của anh Trương Trường G theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho chị Y, nhưng chị Y không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Trường G.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Gia H, sinh ngày 26/6/2016 cho anh Trương Trường G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Dương Thị Ngọc Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trương Trường G không yêu cầu. Chị Dương Thị Ngọc Y được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Anh Trương Trường G phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là anh Trương Trường G khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Dương Thị Ngọc Y, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Dương Thị Ngọc Y có địa chỉ tại Ấp Y, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, anh Trương Trường G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Dương Thị Ngọc Y vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho chị Y để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh G và chị Y theo quy định, nhưng chị Y vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G và chị Y.

[2] Về hôn nhân: Anh G và chị Y xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau và đã được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/6/2017. Vì thế, hôn nhân giữa anh G và chị Y là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh G xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh G và chị Y là do chị Y không lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, anh G và chị Y đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh G và chị Y không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại anh G và chị Y đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với chị Y thì quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ chị Y đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, nhưng chị Y vẫn vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, anh G vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Y, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh G và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa anh Trương Trường G đối với chị Dương Thị Ngọc Y.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh G và chị Y có 01 (một) con chung tên: Trương Gia H, sinh ngày 26/6/2016. Hiện cháu H đang sống cùng với anh G, anh G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y vắng mặt, không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

" *2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu H trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Y vắng mặt, không có ý kiến, đồng thời, chị Y cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh G không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Ngoài ra, anh G và chị Y cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa anh G và chị Y có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của cháu H. Trong khi đó, cháu H hiện đang sống ổn định cùng với anh G, cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu H, nên cần tiếp tục giao cháu H cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Anh G không yêu cầu chị Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh G xác định anh G và chị Y không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, anh G phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Trường G đối với chị Dương Thị Ngọc Y, xử cho ly hôn giữa anh Trương Trường G và chị Dương Thị Ngọc Y.

2/- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trương Gia H, sinh ngày 26/6/2016 cho anh Trương Trường G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Dương Thị Ngọc Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trương Trường G không yêu cầu.

Chị Dương Thị Ngọc Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Trương Trường G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011316 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Xuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã H, huyện N, Tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;